

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

ST
CỔ
CH
IÊN
I VÀ
Q
VH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|-----------------------------|----------|
| 1. Ông Nguyễn Đậu Thảo | Chủ tịch |
| 2. Ông Hoàng Đình Khánh | Ủy viên |
| 3. Ông Hoàng Thanh Sơn | Ủy viên |
| 4. Ông Mạnh Xuân Kỳ | Ủy viên |
| 5. Bà Nguyễn Thị Thu Phượng | Ủy viên |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Đậu Thảo | Giám đốc |
| 2. Ông Mạnh Xuân Kỳ | Phó Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Duy Thân | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2017) |
| 4. Ông Hoàng Đình Khánh | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Huy Hoài | Trưởng ban |
| 2. Bà Lê Thị Hải Yến | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Minh Sơn | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đậu Thảo

Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 022301/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế(IFC)**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.128.323.813	35.687.585.195
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		691.452.300	392.230.136
1. Tiền	111	5.1	691.452.300	392.230.136
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.266.381.219	4.150.405.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	4.386.153.330	5.314.987.460
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(1.119.772.111)	(1.164.581.860)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.517.467.265	26.357.728.706
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	13.651.327.930	21.748.154.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		230.833.462	200.827.591
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.506.479.337	5.264.920.131
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(916.897.194)	(901.897.194)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		45.723.730	45.723.730
IV. Hàng tồn kho	140		2.517.059.087	4.627.926.258
1. Hàng tồn kho	141	5.5	2.517.059.087	4.627.926.258
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		135.963.942	159.294.495
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.933.381	66.061.194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.603.301
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12a	88.030.561	80.630.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.424.960.358	6.514.539.910
I. Tài sản cố định	220		7.283.845.566	6.371.177.603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	4.331.845.566	3.419.177.603
- Nguyên giá	222		8.181.050.041	13.996.325.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.849.204.475)	(10.577.147.426)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.952.000.000	2.952.000.000
- Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		111.114.792	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		111.114.792	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000	30.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	113.362.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	113.362.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		31.553.284.171	42.202.125.105

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.694.886.784	16.327.687.517
I. Nợ ngắn hạn	310		8.694.886.784	16.327.687.517
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	3.596.433.900	5.332.750.576
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		400.000	548.756.143
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12b	166.744.031	815.124.952
4. Phải trả người lao động	314		690.290.258	3.424.133.109
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.8	1.034.017.685	389.127.780
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.9	436.000.000	436.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	367.239.894	571.242.111
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	2.322.531.810	4.654.243.640
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	28.880.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81.229.206	127.429.206
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.858.397.387	25.874.437.588
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	22.858.397.387	25.874.437.588
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		684.906.291	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.060.049.046	4.076.089.247
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		509.353.247	1.430.432.534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		550.695.799	2.645.656.713
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		31.553.284.171	42.202.125.105



Nguyễn Đạ Thảo
Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Khánh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	13.567.193.549	24.220.827.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.567.193.549	24.220.827.427
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	11.692.389.973	18.468.938.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.874.803.576	5.751.888.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.062.426.334	223.589.348
7. Chi phí tài chính	22	6.4	596.107.966	1.258.371.212
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		420.244.321	673.078.412
8. Chi phí bán hàng	25		4.309.000	8.360.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.184.056.255	2.257.326.120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		152.756.689	2.451.420.978
11. Thu nhập khác	31	6.5	749.423.696	810.274.203
12. Chi phí khác	32	6.6	308.867.374	5.474.194
13. Lợi nhuận khác	40		440.556.322	804.800.009
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		593.313.011	3.256.220.987
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	42.617.212	610.564.274
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		550.695.799	2.645.656.713
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	262	1.261
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		262	1.261



Nguyễn Đạ Thảo
Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Khánh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.951.749.031	48.287.994.208
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.082.379.226)	(29.060.721.712)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.738.498.400)	(2.453.234.323)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(417.822.960)	(670.868.034)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(460.752.325)	(1.166.159.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.718.880.250	1.909.632.012
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.327.478.436)	(5.354.591.837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.643.697.934	11.492.050.741
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.334.031.909)	(385.179.056)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	164.545.454	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.480.444.800	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	264.013.715	223.589.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	574.972.060	(161.589.708)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.831.400.490	29.474.668.079
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.184.112.320)	(38.139.341.992)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.566.736.000)	(4.196.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.919.447.830)	(12.860.833.913)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	299.222.164	(1.530.372.880)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	392.230.136	1.922.603.016
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	691.452.300	392.230.136



Nguyễn Đạ Thảo
Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Khánh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900559122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 06 năm 2012.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 52 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 63 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 21.588.800.000 đồng (Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng), tổng số cổ phần là 2.158.880 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic);
- Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản cố định khác	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	638.213.998	292.586.205
Tiền gửi ngân hàng	53.238.302	99.643.931
Cộng	691.452.300	392.230.136

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	217.040	2.767.105.711	1.647.333.600	1.119.772.111	217.041	2.767.118.460	1.627.807.500	1.139.310.960
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Điện VNECO 9	-	-	-	-	3.587	47.869.000	22.598.100	25.270.900
Công ty Cổ phần Sông Ba	170.000	1.619.047.619	2.779.500.000	-	262.500	2.500.000.000	2.979.375.000	-
Cộng		4.386.153.330	4.426.833.600	1.119.772.111		5.314.987.460	4.629.780.600	1.164.581.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	10.046.473.364	16.111.486.427
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	126.640.869	2.948.797.091
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.478.213.697	2.687.870.930
Cộng	13.651.327.930	21.748.154.448
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	10.173.114.233	19.060.283.518
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1 - Thông tin với bên liên quan		

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu tạm ứng xây lắp nội bộ	3.564.488.201	4.611.482.789
Phải thu tiền đền bù hộ công trình	212.437.342	653.437.342
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	244.520.000	-
Các khoản khác	729.553.794	-
Cộng	4.506.479.337	5.264.920.131

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	260.792.248	-	154.652.853	-
Công cụ, dụng cụ	200.259.549	-	105.178.635	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.346.839.032	-	3.559.587.288	-
Thành phẩm	709.168.258	-	808.507.482	-
Cộng	2.517.059.087	-	4.627.926.258	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	4.278.245.689	6.464.057.128	3.219.022.212	35.000.000	13.996.325.029
Mua trong năm	-	-	1.334.031.909	-	1.334.031.909
Thanh lý, nhượng bán	(227.971.355)	(6.081.091.512)	(805.244.030)	(35.000.000)	(7.149.306.897)
Tại ngày 31/12/2017	4.050.274.334	382.965.616	3.747.810.091	-	8.181.050.041
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	2.879.685.083	6.434.807.128	1.227.655.215	35.000.000	10.577.147.426
Khấu hao trong năm	133.635.328	13.000.000	274.728.618	-	421.363.946
Thanh lý, nhượng bán	(227.971.355)	(6.081.091.512)	(805.244.030)	(35.000.000)	(7.149.306.897)
Tại ngày 31/12/2017	2.785.349.056	366.715.616	697.139.803	-	3.849.204.475
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	1.398.560.606	29.250.000	1.991.366.997	-	3.419.177.603
Tại ngày 31/12/2017	1.264.925.278	16.250.000	3.050.670.288	-	4.331.845.566

Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 1.749.989.177 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m² tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Theo Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và vợ là bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09 tháng 7 năm 2010, ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê thừa đất này cho Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn ủy quyền là 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

5.8. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	1.031.596.324	389.127.780
Trích trước chi phí lãi vay	2.421.361	-
Cộng	1.034.017.685	389.127.780

5.9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	436.000.000	436.000.000
Cộng	436.000.000	436.000.000

5.10. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	34.440.919	40.550.414
Bảo hiểm xã hội	4.936.400	61.836.099
Bảo hiểm y tế	-	10.707.057
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.785.938
Cổ tức phải trả	85.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	327.777.575	453.362.603
Cộng	367.239.894	571.242.111

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2
Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp điện VNECO 1	687.489.400	687.489.400	1.563.388.061	1.563.388.061
Công ty CP Xây lắp Điện VNECO 12	716.234.373	716.234.373	716.234.373	716.234.373
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện Hữu Duy KG	1.041.764.083	1.041.764.083	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.150.946.044	1.150.946.044	3.053.128.142	3.053.128.142
Cộng	3.596.433.900	3.596.433.900	5.332.750.576	5.332.750.576
Trong đó : phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	1.548.136.290		2.438.332.951	
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1 - Thông tin với bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.12. Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước**

	31/12/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.030.561		88.030.561	
Tiền thuê đất	-	80.630.000	-	80.630.000
Cộng	88.030.561	80.630.000	88.030.561	80.630.000
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	166.744.031	1.447.532.232	1.834.601.912	553.813.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	42.617.212	303.928.453	261.311.241
Tiền thuê đất	-	115.715.252	115.715.252	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	119.786.104	119.786.104	-
Thuế khác	-	26.626.894	26.626.894	-
Cộng	166.744.031	1.752.277.694	2.400.658.615	815.124.952

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	2.322.531.810	2.322.531.810	13.852.400.490	16.184.112.320	4.654.243.640	4.654.243.640
Tổng	2.322.531.810	2.322.531.810	13.852.400.490	16.184.112.320	4.654.243.640	4.654.243.640

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 641/TDDN17-NAN.KHBL ngày 15 tháng 11 năm 2017 với tổng mức dư nợ vay tối đa là 13.000.000.000 đồng. Thời hạn vay của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể và thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thực hiện các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp là phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 2

Số 13 đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.14. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	5.741.420.955	24.995.517.880
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	2.645.656.713	2.645.656.713
Trả cổ tức	-	-	-	(4.196.160.000)	(4.196.160.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(114.828.421)	(114.828.421)
Số dư tại ngày 01/01/2017	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	4.076.089.247	25.874.437.588
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	550.695.799	550.695.799
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(3.566.736.000)	(3.566.736.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	1.060.049.046	22.858.397.387

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2017, công ty quyết định trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 17% vốn điều lệ với số tiền là 3.566.736.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phần được phép phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.158.880	2.158.880
+ Cổ phần thường	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần được mua lại	60.800	60.800
+ Cổ phần thường	60.800	60.800
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
+ Cổ phần thường	2.098.080	2.098.080
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

5.15. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng và bộ phận cung cấp dịch vụ, thành phẩm gạch. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận cung cấp dịch vụ, thành phẩm gạch chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số 6.1). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu xây lắp	12.788.890.867	23.421.554.589
Doanh thu bán thành phẩm	76.302.682	125.272.838
Doanh thu cho thuê mặt bằng	702.000.000	674.000.000
Cộng	13.567.193.549	24.220.827.427
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan	11.903.163.149	20.953.184.532
Chi tiết tại thuyết minh số 7.2 - thông tin bên liên quan		

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn xây lắp	11.631.476.477	18.393.060.456
Giá vốn bán thành phẩm	60.913.496	75.878.009
Cộng	11.692.389.973	18.468.938.465

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.513.715	13.589.348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	507.020.000	210.000.000
Lãi bán chứng khoán	553.892.619	-
Cộng	1.062.426.334	223.589.348

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	420.244.321	673.078.412
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	585.292.800
Lỗ bán chứng khoán	2.276.700	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(44.809.749)	-
Chi phí tài chính khác	218.396.694	-
Cộng	596.107.966	1.258.371.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.5. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	557.272.727	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	391.084.324
Các khoản thu nhập khác	192.150.969	419.189.879
Cộng	749.423.696	810.274.203

6.6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí hỗ trợ tai nạn lao động	237.355.998	-
Các khoản chi phí khác	71.511.376	5.474.194
Cộng	308.867.374	5.474.194

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	593.313.011	3.256.220.987
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	39.466.592	6.600.384
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>39.466.592</i>	<i>6.600.384</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	507.020.000	210.000.000
<i>Cổ tức được nhận</i>	<i>507.020.000</i>	<i>210.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	125.759.603	3.052.821.371
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	25.151.921	610.564.274
Thuế TNDN bị truy thu do thanh tra	17.465.291	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.617.212	610.564.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	550.695.799	2.645.656.713
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-
	2.098.080	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	262	1.261

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.374.199.374	6.583.815.306
Chi phí nhân công	3.938.425.232	5.571.765.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	421.363.946	388.013.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.435.054.114	3.675.564.120
Chi phí khác bằng tiền	2.558.465.637	220.867.967
Cộng	10.727.508.303	16.440.026.228

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin với các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
Công ty CP Xây dựng điện VNECO1
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10
Ông Nguyễn Đâu Thảo
Ông Nguyễn Duy Thân
Ông Mạnh Xuân Kỳ

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1. Thông tin với các bên liên Quan (Tiếp theo)****Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng	11.903.163.149	20.953.184.532
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	11.903.163.149	17.099.505.456
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	3.853.679.076
Mua hàng	879.988.001	3.855.857.166
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	1.290.249.893
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	879.988.001	281.524.713
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	-	2.284.082.560

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng	10.173.114.233	19.060.283.518
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	10.046.473.364	16.111.486.427
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	126.640.869	2.948.797.091
Phải trả người bán	1.548.136.290	2.438.332.951
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	687.489.400	1.563.388.061
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	716.234.373	716.234.373
Công ty CPDL Xanh Huế - VNECO	119.212.517	133.510.517
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	25.200.000	25.200.000
Người mua trả tiền trước	-	511.336.195
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	-	511.336.195
Phải thu khác	320.957.342	653.437.342
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	320.957.342	653.437.342

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và phụ cấp	773.790.000	1.191.671.000
Cộng	773.790.000	1.191.671.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



Nguyễn Đậu Thảo
Giám đốc

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Khánh
Người lập